



zì xíng

自行

Adverb · By oneself

Example Sentences

wǒ zì xíng huí jiā

我自行回家。

I go home by myself.

qǐng gè wèi tóng xué zì xíng jiǎn chá zuò yè

请各位同学自行检查作业。

Please check your homework by yourselves, students.

tā jué dìng zì xíng xiū lǐ zì xíng chē

他决定自行修理自行车。

He decided to repair the bicycle by himself.

Trace each character, then write the word on your own.

自 自 自 自 自 自 自 自 自

行 行 行 行 行 行 行 行 行